

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/9/2022

V/v: *Tranh chấp ly hôn và việc
nuôi con khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Miện

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Tạ Minh Tiếp

2/ Bà Nguyễn Thị Hải Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Quang Đích - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 65/2022/TLST-HNGĐ ngày 07/6/2022 về việc “Ly hôn và tranh chấp việc nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị T, sinh năm: 1988 (Có mặt)

*** Bị đơn:** anh Phạm Văn A, sinh năm: 1986 (Vắng mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Cháu Phạm Quốc V, sinh ngày 09/09/2008 (Vắng mặt)

Cháu Phạm Xuân B, sinh ngày 30/05/2011 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn S, xã H, huyện V, tỉnh Hưng yên

Người đại diện theo pháp luật của cháu Việt, cháu Bắc: Chị Vũ Thị T - Mẹ đẻ, anh Phạm Văn A - Bố đẻ

*** Người làm chứng:**

1/ Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1959 (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Q, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

2/ Ông Phạm Văn C, sinh năm: 1956 (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn S, xã H, huyện V, tỉnh Hưng Yên

3/ Chị Lê Thị H, sinh năm: 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Q, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vũ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn A kết hôn hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 26/01/2007 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Sau khi tổ chức lễ cưới, chị và anh A chung sống với bố mẹ chồng, sau gần 01 năm thì bố mẹ chồng cho vợ chồng chị ra ở riêng tại thửa đất của bố mẹ chồng chị cùng địa chỉ tại thôn S, xã H, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Chị và anh A chung sống hạnh phúc được hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, xô sát, chị nhiều lần bị anh A đánh và đã 01 lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ vào năm 2017. Sau đó anh A đến nhận lỗi và van xin chị tha thứ nên chị lại trở về sống với anh A để nuôi dạy các con. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh A chơi bời, cờ bạc dẫn đến nợ nần. Nhiều lần bố mẹ chồng chị phải trả nợ cho anh A. Năm 2013, anh A bị Tòa án huyện H, tỉnh Thái Bình xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”, anh A đi cải tạo tại trại giam 02 năm, sau đó được giảm án và ra trại vào khoảng năm 2016. Trước khi bị bắt và bị kết án, anh A chỉ chơi bời cờ bạc, không quan tâm đến vợ con, không chịu khó làm ăn, nếu có kiếm được tiền thì cũng không đưa cho chị đồng nào để chi tiêu trong gia đình. Anh A còn gia trưởng, luôn yêu cầu chị phải làm theo ý anh trong việc làm vợ, làm mẹ, làm dâu nhưng bản thân anh thì không gương mẫu, sống ích kỷ. Sau khi ra tù về, được 01 năm đầu anh chịu khó làm kinh tế, đến năm 2017 thì anh lại lao vào chơi bời, cờ bạc báo nợ về gia đình. Nhiều lần chủ nợ đến đòi nợ tại nhà chị làm các con chị sợ hãi. Vì anh A nợ mà năm 2017 gia đình chị phải bán nhà đất đang ở và một thửa đất nữa của bố mẹ chồng chị để trả nợ cho anh A. Anh A từ trước đến nay vẫn buôn bán hoa quả nhưng hầu như không giúp được gì cho gia đình. Chỉ vì các con nên chị cố gắng bỏ qua để chung sống cùng anh A nhưng đến thời điểm khoảng tháng 12 năm 2020, chị và anh A xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, thường xuyên cãi nhau, đánh nhau. Tháng 6 năm 2022, anh A đã nhiều lần xin tha thứ và hứa sẽ thay đổi nhưng không thay

đôi nên chị không thể chịu đựng được nữa, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống đến nay, vợ chồng ly thân. Anh A có đến hòa giải nhưng chị không đồng ý về chung sống với anh A. Khi chị đi, anh A không cho chị mang các con đi và cấm đoán không cho chị gặp các con. Chị không còn tình cảm với anh A nên chị đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh A.

Về con chung: Chị và anh A có 02 con chung là cháu Phạm Quốc V, sinh ngày 09/9/2008 và Phạm Xuân B, sinh ngày 30/5/2011. Hiện tại hai cháu đang ở với anh A. Chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Xuân B, để anh A trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Quốc V đến khi các cháu thành niên, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị làm nghề bán hàng gốm sứ tại xã B, lương từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng một tháng. Công việc của chị đều nên thu nhập ổn định. Hiện tại chị đang ở chung nhà với bố mẹ đẻ chị, khi nào đủ điều kiện chị sẽ xây nhà trên diện tích đất 100 m² mà bố mẹ chị cho chị ở thôn Q, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Hiện tại anh A đang ở trên mảnh đất của bố mẹ chồng chị trên căn nhà vợ chồng chị xây.

Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp: Chị và anh A không có gì chung, chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về công sức: Chị không đóng góp công sức vào tài sản của gia đình nhà chồng, chị không đề nghị Tòa giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ, anh Phạm Văn A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Vũ Thị T là tự nguyện, việc đăng ký kết hôn và nơi chung sống của vợ chồng sau khi tổ chức lễ cưới như chị T trình bày trên. Thời gian đầu, anh chị chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Đến giữa năm 2021 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm sống và cách quản lý kinh tế, do anh buôn bán bị thua lỗ. Sau đó, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống, vợ chồng ly thân đến nay. Anh xác định anh vẫn còn tình cảm với chị T nên đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh Xác nhận anh và chị T có 02 con chung như chị T trình bày trên. Anh xin được trực tiếp nuôi cả hai cháu, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức: Anh và chị T không có gì chung, không đóng góp gì cho gia đình, anh không yêu cầu Tòa giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Phạm Xuân B trình bày: Cháu là con bố Phạm Văn A và mẹ Vũ Thị T. Hiện

nay cháu đang ở với bố cháu và đang học lớp 6 tại trường Trung học cơ sở xã H, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Cháu đề nghị Tòa án hòa giải để bố mẹ cháu về chung sống cùng chúng cháu. Nếu bố mẹ cháu không về chung sống thì cháu xin được ở với mẹ cháu.

Theo biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Phạm Quốc V trình bày: Cháu là con bố Phạm Văn A và mẹ Vũ Thị T. Hiện nay cháu đang ở với bố cháu và đang học lớp 9 tại trường Trung học cơ sở xã H, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Cháu đề nghị Tòa án hòa giải để bố mẹ cháu về chung sống cùng nuôi dạy cháu. Nếu bố mẹ cháu không về chung sống thì cháu xin được ở với bố cháu.

Những người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Th, ông Phạm Văn C, Chị Lê Thị H đều khẳng định: Chị T và anh A kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Anh chị có 02 con chung là cháu Phạm Quốc V, sinh ngày 09/9/2008 và Phạm Xuân B, sinh ngày 30/5/2011. Các vấn đề về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức của anh chị: ông, bà không biết cụ thể.

1/ Bà Nguyễn Thị Th trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị Vũ Thị T, mẹ vợ anh Phạm Văn A. Sau khi hai gia đình tổ chức lễ cưới cho anh chị, chị T và anh A chung sống với bố mẹ chồng, sau gần 01 năm thì bố mẹ chồng cho anh chị ra ở riêng tại thửa đất của bố mẹ chồng chị Tam cùng địa chỉ tại thôn S, xã H, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Quá trình chung sống, chị T và anh A thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, xô sát nhau, chị T nhiều lần bị anh A đánh. Nguyên nhân là do anh A chơi bời, cờ bạc dẫn đến nợ nần, nhiều lần mang tài sản như xe mô tô, ti vi, ...đi cầm cố, không quan tâm đến vợ con. Chị T và gia đình bố mẹ đẻ anh A đã trả nợ cho anh A nhiều lần, đã khuyên bảo anh A nhiều lần nhưng đến nay anh A vẫn không thay đổi. Gia đình bà và gia đình anh A ở xa nên quá trình anh chị tìm hiểu nhau bà không biết anh A chơi bời, cờ bạc, sau đó bà biết là ngay từ khi chưa kết hôn với chị T anh A đã chơi bời rồi. Đến năm 2008 thì anh A chơi bời nhiều nhất, khi thua nợ về nhà bảo chị T vay tiền, chị T không vay cho thì anh A đánh chị T chảy máu mồm miệng. Năm 2013, anh A bị Tòa án huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”, khoảng năm 2016, anh A ra trại về nhà. Sau khi ra tù về, được một thời gian, năm 2017 thì anh A lại lao vào chơi bời, cờ bạc báo nợ về gia đình. Nhiều lần chủ nợ đến đòi nợ chị T, anh chị phải bán nhà đất mà bố mẹ chồng cho để trả nợ. Cùng năm 2017, chị T đã bỏ về nhà bà sống, anh A đến nhận lỗi nên chị T lại về chung sống cùng anh A để nuôi dạy con chung.

Từ tháng 6 năm 2022, do anh A không thay đổi nên chị Tam đã bỏ về nhà bà sống đến nay, vợ chồng ly thân. Anh A có đến van xin chị T về chung sống nhưng chị T không đồng ý về chung sống với anh A nữa. Anh A không cho chị

T đưa các con đi và cảm đoán không cho chị T gặp các con. Nay chị T không còn tình cảm với anh A và đề nghị Tòa giải quyết cho anh chị ly hôn, bà để chị T tự quyết định và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hiện tại, chị T đang làm nghề bán hàng gốm sứ tại xã B, lương khoảng 10.000.000 đồng một tháng, thu nhập ổn định.

2/ Ông Phạm Văn C trình bày: Ông là bố đẻ anh Phạm Văn A. Sau ngày cưới, chị T về gia đình ông sinh sống. Thời gian đầu anh chị sống hạnh phúc và yêu thương nhau, sau đó anh chị xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm trong quản lý kinh tế. Khoảng tháng 5 năm 2022, anh chị xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, đánh nhau nên chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó đến nay. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh A vay nợ bên ngoài, và cảm cố xe máy là phương tiện đi làm của chị T. Việc anh A vay nợ và chưa có khả năng trả là nguyên nhân dẫn đến việc chị T làm đơn xin ly hôn tại Tòa. Ông đề nghị Tòa án hòa giải để anh chị về đoàn tụ, nếu chị T kiên quyết xin ly hôn thì ông đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật. Về công sức: Ông khẳng định anh chị không đóng góp công sức vào tài sản của gia đình ông.

3/ Chị Lê Thị H trình bày: Chị là chị dâu chị T. Quá trình chung sống, chị T và anh Tam xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm sống và quản lý kinh tế, Tam làm ăn thua lỗ lại chơi bời, cờ bạc. Anh A đã bị Tòa án ở tỉnh Thái Bình xử phạt 2 năm 06 tháng tù. Sau khi ra tù, anh A cũng không có ý thức xây dựng vun vén gia đình, tiếp tục chơi bời cờ bạc, dẫn đến nợ nần, vi phạm pháp luật và bị kết án hơn 2 năm tù. Anh chị có 02 con chung là cháu Phạm Quốc V, sinh ngày 09/9/2008 và Phạm Xuân B, sinh ngày 30/5/2011. Các vấn đề khác của anh chị chính quyền địa phương không nắm được. Nay chị T xin ly hôn, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện:

Chị Vũ Thị T và anh Phạm Văn A kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 26/01/2007, số đăng ký kết hôn 07/2007 tại UBND xã H, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Trong thời gian chung sống tại địa phương, anh chị có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh A chơi bời, cờ bạc, dẫn đến nợ nần, vi phạm pháp luật và bị kết án hơn 2 năm tù. Anh chị có 02 con chung là cháu Phạm Quốc V, sinh ngày 09/9/2008 và Phạm Xuân B, sinh ngày 30/5/2011. Các vấn đề khác của anh chị chính quyền địa phương không nắm được. Nay chị T xin ly hôn, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không thành nên phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh A và đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung là cháu Phạm Xuân B, để anh A nuôi dưỡng cháu Phạm Quốc V, chị không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

- Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, HĐXX, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự thủ tục đảm bảo khách quan, HĐXX không thuộc trường hợp phải thay đổi, thủ tục tố tụng tại phiên tòa được HĐXX tiến hành đảm bảo đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không chấp hành đúng quy định tại điều 70; điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 56; khoản 2 điều 81; điều 82; điều 83; điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị T, xử cho chị T ly hôn anh A. Giao 01 con chung của anh chị là cháu Phạm Xuân B cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; Giao cháu Phạm Quốc V cho anh Phạm Văn A trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu thành niên. Anh A, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức: Không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là anh Phạm Văn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt tại phiên tòa, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, người làm chứng, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương, các tài liệu khác trong

hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự có mặt tại phiên tòa, đã có đủ căn cứ khẳng định:

Chị Vũ Thị T và anh Phạm Văn A kết hôn hoàn toàn tự nguyện, anh chị đăng ký kết hôn ngày 26/01/2007, số đăng ký kết hôn 07/2007 tại UBND xã H, huyện V, tỉnh Hưng Yên nên hôn nhân giữa chị T và anh A là hợp pháp. Quá trình chung sống, từ nhiều năm gần đây, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nhiều lần cãi nhau, anh A đã nhiều lần đánh chị T. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh chị không hợp nhau về quan điểm sống, anh A chơi bời, không quan tâm, chăm sóc gia đình và còn phạm tội và bị Tòa án xử phạt tù. Sau khi chấp hành xong án phạt tù một thời gian, anh A lại chơi bời, dẫn đến nợ nần, làm phá tán tài sản của gia đình. Năm 2017, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống, anh A nhận lỗi xin tha thứ nên vì các con chị T đã quay về chung sống cùng anh A nhưng đến khoảng giữa năm 2022, chị T không thể chịu đựng được nữa nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, anh chị ly thân từ đó đến nay. Như vậy, quá trình chung sống, anh A đã vi phạm pháp luật, vi phạm nghĩa vụ của một người chồng, người cha, không cùng chị T chăm sóc con chung và gia đình một thời gian dài, sau đó có điều kiện gần vợ con thì lại không thay đổi. Anh A khẳng định vẫn còn tình cảm với chị T nhưng việc chung sống xây dựng gia đình không chỉ từ tình cảm một phía, chị T đã có thời gian dài cho anh cơ hội sửa chữa và cố gắng vụ đắp hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả nên quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị vẫn kiên quyết xin ly hôn. HĐXX xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh A đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị T xin ly hôn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị T và anh A có 02 con chung là cháu Phạm Quốc V, sinh ngày 09/9/2008 và Phạm Xuân B, sinh ngày 30/5/2011. Chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung, để anh A nuôi dưỡng 01 con chung, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh A đề nghị giao cả 02 con chung cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại, chị T có công việc và thu nhập ổn định với mức lương khoảng 10.000.000 đồng một tháng, có chỗ ở tại nhà bố mẹ đẻ, thời gian làm việc 08 tiếng/ngày. Anh A buôn bán hoa quả, có nơi ở tại nhà bố mẹ đẻ anh. Điều kiện về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của anh chị là ngang nhau. HĐXX xét thấy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt, phù hợp với nguyện vọng của các cháu, cần giao 01 con chung của anh chị là cháu Phạm Xuân B cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; Giao cháu Phạm Quốc V cho anh Phạm Văn A trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu thành niên theo nguyện vọng của chị T. Anh A, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp: Chị T, anh A không đề nghị Tòa giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về công sức: Chị T không yêu cầu Tòa giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 56; điều 81, điều 82, điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 điều 147; điều 203; khoản 3 Điều 228; điều 235; điều 266; điều 267; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 5 điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị T. Xử cho chị Vũ Thị T ly hôn anh Phạm Văn A.

2. Về việc nuôi con chung: Chị T và anh A có 02 con chung là cháu Phạm Quốc V, sinh ngày 09/9/2008 và Phạm Xuân B, sinh ngày 30/5/2011. Giao cháu Phạm Xuân B cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, giao cháu Phạm Quốc V cho anh Phạm Văn A trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi). Anh A, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức: Không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0010691 ngày 19 tháng 7 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hưng Yên, chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV TAND tỉnh Hưng Yên
- VKSND tỉnh Hưng Yên
- VKSND huyện V
- Cơ quan THADS huyện V
- UBND xã H, huyện V
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ MIỆN